

*Trì giới là gốc  
Tịnh độ là nơi quay về  
Quán tâm là trọng yếu  
Bạt lành là chốn nương tựa*

## **SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU**

### **Tập 2**

*Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng*

*Thời gian: 24/05/2016*

*Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, thành phố Sán Vĩ*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, chư vị cư sĩ tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành. Mời để tay xuống!

Xin cùng mọi người học tập “Sa-di thập giới oai nghi lục yếu” do đại sư Ngẫu Ích biên soạn:

**“Hai chữ Sa-di, thời xưa đã bị truyền sai và lược bớt âm, nhưng nay dùng ba ý nghĩa phiên dịch để giải thích. Một là tức từ, dứt kiến tư ác, tu sanh duyên từ là Tạng giáo sa-di”.**

Hôm qua chúng ta học đến đây. Chỗ này có nói đến bốn giáo do tông Thiên Thai lập ra, nên cần dùng một chút thời gian để nói rõ đại ý của bốn giáo với mọi người, sau đó quay lại đọc đoạn lời nói đầu này của đại sư Ngẫu Ích thì có thể tương đối tường tận.

Hôm qua nói đến Tạng giáo. Tạng giáo là chánh hóa, chính thức giáo hóa người Nhị thừa và kiêm giáo hóa, cũng là giáo hóa kèm thêm, kiêm giáo hóa cả Bồ-tát. Đức Phật dạy người Tam thừa dùng “tích không quán”, tức là phân tích hết thấy vạn pháp đến cuối cùng biết được hết thấy pháp đều là không thì có thể đoạn trừ được kiến tư phiền não và chứng đắc Niết-bàn. Loại Niết-bàn này là thân tâm đều diệt tận, gọi là vô dư Niết-bàn, đốt nhục thân thành tro, dứt bật tâm trí, nghĩa là mọi thứ đều là không. Loại này cũng gọi là thiên chân Niết-bàn, tức là Niết-bàn lệch về phía tánh của “chân không”, nên không thể thông đạt được đạo lý “bất không”. Họ chỉ nhận thức được “không” rồi sinh ra chướng ngại đối với “diệu hữu”.

Giáo lý của Thông giáo là nói cho những Bồ-tát tương đối thông minh nhạy bén. Thông giáo, gọi là thông nghĩa là “trước thông Tạng giáo; sau thông Biệt, Viên”, thông đạt Tạng giáo ở phía trước, thông đạt Biệt giáo và Viên giáo ở phía sau. Đối với Bồ-tát độn căn thì Phật giảng Tạng giáo cho họ. Đối với Bồ-tát lợi căn thì Phật giảng Biệt giáo, Viên giáo, cho nên căn tánh của Thông giáo chính là Bồ-tát độn căn. Đối tượng giáo hóa chính thức của những giáo này là Bồ-tát, và kiêm giáo hóa thêm hàng Nhị thừa. Phật đối với những người Thông giáo, những người có căn tánh Thông giáo thì Phật giảng pháp vô sanh *tứ đế*, biết hết thấy pháp vốn dĩ không sanh. Nếu chỉ chứng đắc lý “chân không” thì sẽ giống như người Tạng giáo ở phía trước. Nếu chẳng những chứng đắc lý “chân không” mà còn có thể thông đạt đạo lý “bất không” thì hạng này thuộc vào căn tánh giống như người Biệt giáo, Viên giáo ở phía sau, cho nên đây là nói Thông giáo.

Nội hàm của Thông giáo chủ yếu là kinh điển Bát-nhã trong tạng kinh, nghĩa lý là dung thông hàm nhiếp Đại Tiểu thừa, giảng cho người Tam thừa “thể không quán”. Thể không quán nghĩa là đương thể tức không, dùng cách quán này. Cách này so với “tích không quán” của Tạng giáo có thể nói là càng thẳng tắt hơn. Bởi vì tích không quán vẫn thông qua phân tích, dùng lô-gic để suy luận, biết rằng vật chất, hay hết thấy vạn pháp, phân tích đến cuối cùng là không. Thể không quán thì không cần thông qua phân tích, mà ngay đó biết được hết thấy vạn pháp là pháp duyên sanh nên không có tự tánh, cho nên ngay thể chính là không, không cần phân tích. Ví dụ cái thước này, người Tạng giáo họ phải đi nghiên cứu, dùng kính hiển vi để quan sát, cái thước này là do các phân tử gổ hợp thành, phân tử do nguyên tử cấu tạo thành, nguyên tử lại do các hạt cơ bản cấu tạo thành, các hạt cơ bản phân tích đến cuối cùng là không. Đây là thuộc về người độn căn. Người lợi căn không cần nghĩ như vậy, mà ngay đó liền biết pháp do duyên sanh, ngay thể chính là không, làm gì có tự tánh của gổ? Làm gì có tự tánh của thước? Điều này gọi là thể không quán, hạng người này biết vạn pháp vốn dĩ là vô sanh, cho nên căn tánh của họ tương đối nhạy bén.

Loại thứ ba là Biệt giáo. Biệt giáo nghĩa là cách biệt khác nhau, gọi là “khác Tạng Thông ở trước, khác Viên giáo ở sau”. Nghĩa là khác với Tạng giáo, Thông giáo ở phía trước, và cũng có khác biệt với Viên giáo ở phía sau, tức là nó rất đặc biệt. Giáo pháp này chỉ gia trì cho Bồ-tát, gia trì riêng cho Bồ-tát, không phải nói đối với người Nhị thừa. Bởi vì Biệt giáo xem trọng “thứ đệ tam quán”, tu hành nói

đến pháp môn thì có cách biệt, thứ lớp mà không thể viên dung vô ngại, cho nên cũng không giống với Viên giáo ở phía sau. Viên giáo là viên dung vô ngại, không trải qua thứ lớp, cho nên đây thuộc về Biệt giáo. Nội hàm của Biệt giáo là chỉ các kinh điển Phương Đẳng khác, không tuyên thuyết chung với người Nhị thừa, mà chuyên nói cho hàng Bồ-tát Đại thừa. Nói đến pháp tứ đế là vô lượng tứ đế, nghĩa là mỗi một thứ khổ tập diệt đạo đều là vô lượng. Đối với phương pháp tu mà nói là dùng thứ đệ tam quán để phá trừ ba loại hoặc, tức là ba loại phiền não mà chúng đắc lý “đãn trung”. Đãn trung chính là trung đạo. “Đãn” nghĩa là duy nhất, duy nhất chỉ có trung đạo. “Trung” chính là tam quán: *không - giả - trung*.

Bởi vì Biệt giáo tu hành là tu theo thứ lớp. Trước tiên tu không quán, quán hết thấy pháp, 5 ấm, 12 nhập, 18 giới, ngay thể chính là không. Điều này tương tự như “thể không quán” của Thông giáo ở phía trước, biết chúng ngay thể là không. Tuy biết ngay thể tức là không, đây là chân đế, không những ngã là không, mà pháp cũng là không, hết thấy pháp vô ngã, vô sở hữu, chứng được chân đế rồi, đó chính là thành tựu “không quán”, nhưng không thể chỉ dừng lại ở không quán, chỉ dừng lại ở không quán thì chính là Thông giáo, vẫn phải tiến thêm một bước tu “giả quán”.

Giả quán chính là ở trên nền tảng của quán hết thấy pháp đều là không, nhưng không chấp trước lý không mà có thể từ không vào giả, cũng gọi là từ không hiện ra giả, quán hết thấy các pháp tức là hết thấy hiện tượng của vũ trụ như huyền như hóa. Kinh Kim Cang gọi là “hết thấy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như chớp, nên quán sát như vậy”. Pháp quán này đã bao gồm cả ba pháp quán không - giả - trung rồi, biết hết thấy pháp như mộng chính là ngay thể tức không rồi, nhưng cảnh mộng cũng thật có chứ không phải không có cảnh mộng. Cảnh mộng là diệu giả, không thể nói cảnh mộng cũng không có. Bạn quả thực có nằm mộng, trong mộng có nhìn thấy núi sông đất đai, nhìn thấy tất cả người vật, xảy ra các sự việc. Đây gọi là từ không hiện ra giả, tuy hết thấy pháp ngay thể là không, nhưng nhân quả là rõ ràng phân minh. Có các pháp thì sẽ có nhân như vậy, sẽ có quả như vậy, nhân quả tơ hào không sai. Đây chính là giả quán. Bồ-tát hiểu rõ nhân quả tơ hào không sai, cho nên phát tâm đoạn hết thấy ác tu hết thấy thiện. Từ giả quán mà thấy được lý của tục đế. Không quán ở phía trước là chứng lý của chân đế, bây giờ giả quán thấy được lý của tục đế.

Tiến thêm bước nữa tu trung quán, trung quán chính là pháp quán “trung đạo đệ nhất nghĩa đế”. Tu hai pháp quán không và giả ở phía trước, trên thực tế đều là phương tiện để vào trung quán, cho nên gọi là “phương tiện đạo”. Hai pháp quán không và giả thành tựu rồi thì có thể thấy rõ hai đế chân và tục, sau đó tiến thêm một bước vào trung đạo đệ nhất nghĩa đế, cũng chính là quán hết thấy pháp đều đầy đủ ba đế: không - giả - trung, gọi là “tức không, tức giả, tức trung”. “Tức” là không cần thứ lớp, bất cứ pháp nào thì ngay đó đã đầy đủ diệu lý của ba đế “chân tục trung” rồi. Tu trung quán thì có thể thấy được lý tánh chẳng thể nghĩ bàn: Phật tánh trung đạo. Vào cảnh giới này thì cũng đã đầy đủ căn tánh của Viên giáo rồi. Viên giáo chính là trong một tâm thì trực tiếp đã đầy đủ ba pháp quán.

Biệt giáo thì có thứ lớp, trước tiên tu không quán, rồi tu giả quán, sau đó tu trung quán, tu thứ lớp như vậy, cũng tức là lần lượt đoạn ba loại phiền não. Tu không quán thì có thể đoạn kiến tư phiền não, hết thấy pháp đều là không, kiến tư phiền não tự nhiên liền không còn nữa, đây là thành tựu “nhất thiết trí”, ra khỏi phần đoạn sanh tử. Giả quán thành tựu rồi thì đoạn được trần sa hoặc, trần sa phiền não, thành tựu được “đạo chủng trí” của Bồ-tát, có thể ra khỏi biến dịch sanh tử ở cõi Phương tiện hữu dư. Đến khi trung quán thành tựu rồi thì có thể đoạn vô minh hoặc, thành tựu “nhất thiết chủng trí”, đây chính là thành Phật, ra khỏi biến dịch sanh tử trong cõi Thật báo trang nghiêm, cũng tức là vượt khỏi mười pháp giới, nhập vào pháp giới nhất chân, có thể nhập vào trung quán này thì chính là Bồ-tát Sơ địa trong Biệt giáo, cũng tương đương với Bồ-tát ở địa vị Sơ trụ trong Viên giáo. Ở trên nền tảng này dần dần tu hành, cuối cùng thì nhập vào vị thứ trong Viên giáo.

Cho nên “trung” mà Biệt giáo chứng đắc được là trung đạo, là “đãn trung”. “Đãn” này khác với không và giả ở phía trước. Loại trung quán này vượt hơn trung quán trong hai pháp quán không và giả; cho nên lý trung đạo chứng được vượt hơn lý trung đạo của hai bên không và có. Nhận thức này trên thực tế vẫn chưa đủ viên mãn, ví dụ họ nhìn thấy sanh tử và Niết-bàn, đây là hai bên, sanh tử là một bên, Niết-bàn là một bên. “Đãn trung” là vượt ra khỏi hai bên sanh tử và Niết-bàn, chỉ hiển lộ ra một loại trung đạo. Giống như lìa khỏi hư không, và đặc biệt chỉ ra có một mặt trăng, trường hợp như vậy gọi là “đãn trung”. Điều này có khác biệt với “bất đãn trung” trong Viên giáo.

Tiếp theo là nói về Viên giáo. Viên giáo, viên nghĩa là không thiên lệch. Giáo, trong giáo lý giải thích là lý trong trung đạo. Lý này là tánh tướng viên dung, lý sự vô ngại, trong một tâm thì ba pháp quán “không giả trung” liền có thể viên mãn, không cần trải qua thứ lớp, gọi là “nhất tâm tam quán”, chỗ chứng được là “nhất cảnh tam đế”, trong bất cứ cảnh giới nào, lớn cho đến thế giới, nhỏ cho đến vi trần, đều đầy đủ diệu lý của tam đế “chân - tục - trung”, ngay mỗi một pháp đều đầy đủ như vậy, đây gọi là Viên giáo. Viên giáo chính là giáo nghĩa được đặc biệt giải thích trong kinh Pháp Hoa, còn trong kinh Hoa Nghiêm nói đến cũng là giáo nghĩa như vậy. Những giáo nghĩa này trong Viên giáo là tuyên thuyết “vô tác tứ đế”, khác với tứ đế trong ba giáo: Tạng Thông Biệt ở phía trước. Tạng giáo nói sanh diệt tứ đế, Thông giáo nói vô sanh tứ đế, Biệt giáo nói vô lượng tứ đế, Viên giáo ở đây nói là vô tác tứ đế. Vô tác tức là không có tạo tác, trong một tâm thì có thể dùng ba pháp quán một cách viên dung, đồng thời đoạn trừ kiến tư hoặc, trần sa hoặc, phiền não hoặc mà chứng được “bất đăn trung” này. Pháp này phải là Bồ-tát lợi căn thì mới có thể khế nhập được. Song hiện nay tuy chúng ta là phàm phu, nhưng thường xuyên nghe những diệu lý này lâu ngày, mặc dù chúng ta chưa đoạn hoặc nhưng cũng có thể thể hội được, có thể lý giải được đạo lý trong Viên giáo.

Đạo lý này nói nhất tâm tam quán, đó là đạo lý thế nào vậy? Tức là quán một niệm tâm hiện tiền của chúng ta, ngay khi đó tức không, tức giả, tức trung. Một không thì hết thấy đều không, trung - giả đều là không. Không - giả - trung này là một mà ba, ba mà một. Tâm này của chúng ta là không, không tìm thấy, tâm không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở giữa, tìm không thấy, một không thì hết thấy đều không, trừ bỏ hết thấy các tướng. Giả, tâm niệm này là một giả thì hết thấy là giả, không và trung này đều là giả, cũng tức là nói: quán một niệm tâm tánh của chúng ta có đầy đủ hết thấy các pháp, không cái nào không đầy đủ, nó có thể sanh vạn pháp, có thể lập hết thấy tướng. Một không hết thấy không ở phía trước là trừ bỏ hết thấy tướng, đem hết thấy tướng đều buông xuống, đều quét dọn sạch sẽ. Ở đây một giả hết thấy đều là giả đã lập ra các pháp sâm la vạn tượng, đây chính là giả quán. Lại quán trung, một trung thì hết thấy đều trung, không và giả đều là trung, đây chính là dứt hết mọi đối đãi. Khi chứng được tự thể vốn là không thì ngay đó ứng dụng của nó là không có cùng tận. Tuy đại dụng hiện tiền mà tánh thường tự không, không và có là đồng thời, vừa không vừa có, chẳng không chẳng có, gọi là “khi có thì một đường thanh tịnh, quán không thì vạn hạnh sôi nổi”,

không có đôi đũa, viên dung vô ngại, một niệm tâm này chính là như vậy, vừa không vừa giả, lại chẳng không chẳng giả, viên dung vô ngại, đây là trung.

Trong một tâm nếu có thể đầy đủ tam quán thì dễ dàng đoạn phiền não, ba loại hoặc: *kiến tư, trần sa, vô minh*, không cần thứ lớp mà ngay đó đoạn hết, đây là nói đến “nhất tâm tam quán” của Viên giáo. Phá hết thấy pháp, lại lập hết thấy pháp, hai bên không và có, gọi là sanh tử tức Niết-bàn, phiền não tức Bồ-đề, cho nên không cần đoạn phiền não, bạn chỉ cần biết rõ bản tánh của phiền não chính là không, thì phiền não không trở thành chướng ngại nữa, mà ngược lại trở thành tăng thượng duyên Bồ-đề của bạn. Sanh tử và Niết-bàn vốn dĩ là không hai, gọi là “giống như ăn mật, ở giữa hay bên cạnh đều ngọt cả”. Chúng ta ăn một bát mật, bát mật này ở giữa ngọt thì bên cạnh cũng ngọt. Đây gọi là lý “bất dẫn trung”.

Nói qua về giáo nghĩa của bốn giáo Tạng - Thông - Biệt - Viên, chúng ta lại thấy trong bốn giáo đều có nói đến pháp tứ đế, tức là *khổ, tập, diệt, đạo*. Chúng ta sẽ giới thiệu qua một chút nữa.

Thứ nhất, Tạng giáo là sanh diệt tứ đế. Tạng giáo dùng “tích không quán” để hiểu rõ được pháp khổ tập diệt đạo, mọi thứ đều là không hư vọng, nó có sanh có diệt, cho nên đây là nói đến tứ đế sanh diệt.

Thứ nhất là *khổ đế*, khổ nghĩa là bức bách, gọi là tám khổ, ba khổ. Tám khổ chính là sanh, già, bệnh, chết, cầu không được, yêu thương phải xa lìa, oán ghét phải ở cùng, năm ám lừng lẫy. Cõi người chúng ta có đủ tám loại khổ nào này, người ở Dục giới đều có đủ. Ba khổ, loại thứ nhất là khổ khổ, chính là chỉ tám khổ. Tám khổ là cái khổ trong Dục giới. Hoại khổ là loại thứ hai, hoại khổ là cảm thọ của chúng sanh cõi Sắc giới, họ không có khổ khổ nhưng có hoại khổ, cảnh giới của họ không thể giữ gìn không hư hoại, gọi là vui hết thì khổ sẽ đến, vui quá thì sanh bi. Loại thứ ba là hành khổ, hành khổ là người ở Vô Sắc giới, từng niệm đều đang trôi qua, khổ nào như vậy. chúng sanh trong luân hồi sanh tử đều có những nỗi khổ này.

Còn *tập đế* nghĩa là triệu tập, hàng Thanh văn có thể hiểu rõ phiền não hoặc nghiệp là nhân triệu tập quả khổ sanh tử, cho nên gọi là tập đế, chính là nhân của khổ, khổ là quả của tập, đây là nói đến nhân quả của thế gian.

Hai loại *diệt* và *đạo* là nhân quả xuất thế gian. Diệt nghĩa là nói tịch diệt, đoạn trừ hết thấy phiền não, chính là chứng được niềm vui Niết-bàn tịch diệt, đây

chính là diệt đế. Đạo chính là nói con đường đi đến Niết-bàn tịch diệt, cũng chính là phương pháp chứng được Niết-bàn, tức là thông qua tu học giới định tuệ trong Phật Pháp mà chứng được diệt đế.

Đây là sanh diệt tứ đế mà Tạng giáo nói, thông thường chúng ta nghe thấy tương đối nhiều.

Còn Thông giáo nói đến là vô sanh tứ đế. Vô sanh tứ đế này chính là dùng “thể không quán” để thông đạt ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; ngay nơi thể của những pháp này chính là không, như huyễn như hóa, cho nên khổ không có tướng bức bách, tập không có tướng hòa hợp, diệt không có tướng sanh, đạo không có hai tướng.

Nói khổ không có tướng bức bách, thì người Thông giáo bèn hiểu rõ: ngay nơi thể của hết thảy vạn pháp chính là không thì làm gì có khổ bức bách chứ? Giống như nằm mộng vậy, ví dụ ở trong mộng bạn đang bị người đánh đập rất khổ. Đây là do bạn đang nằm mộng, không giác tỉnh. Nếu bạn tỉnh ra rồi, à bây giờ mình đang nằm mộng, đánh thì đánh đi, lập tức không có tướng bức bách nữa, cái khổ đó có thể đoạn trừ.

Tập đế chính là người Thông giáo, họ có thể hiểu rõ: cái nhân của việc khởi hoặc tạo nghiệp cũng là ngay nơi thể tức là không, cho nên không có tướng trạng hoặc nghiệp hòa hợp, ví dụ bây giờ bạn khởi phiền não muốn mắng người, khi phiền não vừa khởi lên thì người có trí tuệ lập tức có thể quán, biết được nguồn gốc của phiền não, phiền não từ đâu đến? Nó không từ đâu đến, nên ngay đó phiền não liền diệt, lại không biết sẽ đi đâu, không đến cũng không đi. Bản tánh của phiền não, thể của nó chính là không, mà bản thân bạn ở đó chấp trước nên tâm phiền não cứ tiếp nối không dừng được, cho nên bạn mới khởi tập, tập chính là tập nhân, triệu tập cái nhân của phiền não hoặc nghiệp này thì sẽ chiêu cảm quả khổ ở tương lai. Ngay đó, nếu chúng ta liền đoạn dứt tâm này thì không còn nữa, tìm tâm trọn chẳng thể thấy được thì đoạn trừ phiền não rồi.

Diệt đế chính là nói pháp quán mà người Thông giáo Tam thừa vận dụng để có thể thấy rõ cái khổ của năm ấm sanh tử vốn dĩ là không sanh, hiện tại diệt rồi thì cũng là không diệt, không sanh thì làm gì có diệt chứ? Cho nên gọi là diệt đế, diệt phiền não, diệt này vốn dĩ không có, bởi vì nó vốn không sanh thì làm gì có diệt phiền não chứ? Cho nên diệt là tướng vô sanh. Chẳng phải là tôi diệt phiền não, khởi lên một cảnh giới diệt trừ, không có, phiền não đoạn rồi thì chính là đoạn.

Phiền não vốn dĩ không có, bạn biết nó không có thì đó gọi là đoạn rồi, không phải nói cảnh giới đoạn phiền não lại xuất hiện, lại sanh ra rồi, không có chuyện đó, diệt là tướng vô sanh.

Đạo đế, đạo chính là chỉ cho pháp thánh đạo: giới định tuệ. Người căn tánh Thông giáo Tam thừa họ dùng những pháp thánh giáo thánh đạo này để đoạn tập, đoạn phiền não, mà những pháp này cũng là ngay nơi thể tức là không, nó không có hai tướng trạng, cho nên đạo không có hai tướng. Đạo đế là pháp đoạn phiền não không có hai tướng, nghĩa là nói chúng ta dùng thánh pháp giới - định - tuệ để đoạn phiền não tham - sân - si của chúng ta, phiền não vốn dĩ không sanh, thể của nó là không, không rồi thì đó gọi là diệt, chẳng phải là còn phải dùng một phương pháp nào đó để diệt. Pháp này vốn dĩ cũng không có, pháp cũng là ngay nơi thể tức là không.

Cho nên, tứ đế khổ - tập - diệt - đạo, hết thấy đều là ngay thể tức không, vốn dĩ là vô sanh, đây chính là vô sanh tứ đế. Chúng ta có thể học tập như vậy, thường quán chiếu như vậy thì trí tuệ sẽ ngày càng cao, ngày càng nhạy bén.

Đến thứ ba Biệt giáo là vô lượng tứ đế, lúc này Bồ-tát đã hiểu rõ hết thấy pháp ngay nơi thể tức là không rồi. Họ bèn muốn giáo hóa chúng sanh, cũng giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, biết được chân tướng của vạn pháp đều là không. Họ muốn giáo hóa chúng sanh, chúng sanh là vô lượng vô biên, cho nên họ phải vận dụng vô lượng vô biên pháp môn. Do đó “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Tứ hoằng thệ nguyện này chính là nói vô lượng tứ đế.

Chúng sanh vô biên là vô lượng khổ đế, quả báo trong mười pháp giới là hoàn toàn khác biệt, có vô lượng tướng trạng, cho nên khổ có vô lượng tướng.

Tập đế tức là Bồ-tát thấy rõ chúng sanh trong mười pháp giới khởi hoặc tạo nghiệp mà chiêu tập lấy quả khổ sanh tử, tập đế này cũng là vô lượng, tức là phiền não vô tận. Bởi vì không chỉ là phiền não của chính mình, phiền não của chúng sanh, mà mỗi một chúng sanh đều là phiền não vô tận, Bồ-tát đều phải phát nguyện đoạn trừ tất cả phiền não của mình và người.

Đạo đế chính là nói dùng vô lượng đạo pháp để lợi mình lợi người, cho nên “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.



Đến diệt đế thì Bồ-tát Biệt giáo thật sự có thể chứng được lý Niết-bàn tịch diệt. Điều này không giống như thiên chân Niết-bàn được chứng trong Tạng giáo và Thông giáo, mà họ chứng được đại Niết-bàn. Đây là Biệt giáo, cho nên chỗ chỉ quy của họ, mục đích của họ là đại Niết-bàn, là Phật quả vô thượng, chỉ có điều căn tánh của hàng Bồ-tát này vẫn chưa đủ nhạy bén, phải thông qua thứ lớp đề tu học.

Đến Viên giáo, căn tánh của Bồ-tát Viên giáo là nhạy bén nhất, họ dùng vô tác tứ đế. Những Bồ-tát này chứng được cảnh giới lý sự vô ngại. Tứ vô ngại, tứ chính là sự vô ngại, lý vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Mỗi một pháp đều viên dung nhiếp thủ lẫn nhau, sự không chướng ngại lý, lý không chướng ngại sự. Những Bồ-tát Viên giáo này có thể quán chiếu đầy đủ hết thấy các pháp, ngay mỗi một sự việc chính là lý thể của chân như, sự sự tức là lý, không phải ngoài sự vẫn phải tìm thêm một cái lý nữa, cho nên không có hết thấy tạo tác. Gọi là “ám nhập giai như”, 5 ám, 12 nhập, bao gồm 18 giới, 12 nhập chính là 6 căn 6 thức, 18 giới là cộng thêm 6 trần, pháp pháp đều như, như chính là chân như, ngay nơi thể chính là chân như, cho nên “chẳng có khổ nào để xả bỏ cả”, khổ đế, cái khổ đó ở đâu? Chẳng có khổ nào để xả bỏ, khổ chính là chân như, pháp nào cũng là chân như.

Gọi là “trần lao vốn thanh tịnh, đâu có tập mà đoạn trừ”, tập đế là phải đoạn phiền não, phiền não phải đoạn trừ, nhưng trần lao, trần lao là phiền não, nó vốn dĩ thanh tịnh, phiền não cũng là chân như cho nên chẳng có gì để đoạn.

“Biên tà giai trung chánh”, biên tà, biên tức là hai bên, tà chính là tà kiến, “giai trung chánh”. Những kiến giải này trên thực tế thì thể của nó chính là trung đạo, cho nên “không có đạo để tu”, gọi là “phiền não tức Bồ-đề”, dâm - nộ - si chính là giới - định - tuệ, những thứ này chẳng có gì để đoạn trừ cả.

Giảng đến diệt đế, “sinh tử tức Niết-bàn”, cho nên “không có diệt đế chứng”. Người Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo ở phía trước muốn theo đuổi đại Niết-bàn. Tạng - Thông theo đuổi chân không Niết-bàn, Biệt giáo theo đuổi đại Niết-bàn. Người Viên giáo biết sinh tử chính là Niết-bàn, cho nên không có Niết-bàn để chứng, vậy thì đã chứng được Niết-bàn rồi. “Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề tát-đỏa”, họ thật sự biết rằng chứng Bồ-đề chính là chẳng có gì để chứng. Bạn cho rằng có cái để đắc thì sẽ không chứng A-nậu-đa-na tam-miệu tam-bồ-đề. Bởi vì do không có cái để đắc thì sẽ chứng được A-nậu-đa-na tam-miệu tam-bồ-đề. Đây chính là nói đến Viên giáo, cho nên hết thấy pháp đều là viên dung vô ngại, pháp pháp đều là chân như.

Nói qua về tứ giáo rồi, tiếp theo chúng ta sẽ xem lời nói đầu của đại sư Ngẫu Ích. Phía trước chỉ là một phần phụ thêm thôi, bây giờ chúng ta mới có thể lý giải được lời nói đầu mà đại sư Ngẫu Ích đã nói. “Tức từ” là nghĩa thứ nhất trong ba ý nghĩa của từ sa-di, nghĩa là dứt ác hành từ.

Tạng giáo là “dứt kiến tư ác, tu duyên sanh từ là Tạng giáo sa-di”. Bây giờ chúng ta đã biết Tạng giáo rồi, giáo này chính thức giáo hóa hàng Nhị thừa, kiêm giáo hóa hàng Bồ-tát, cho nên dạy người Tam thừa đoạn kiến tư ác, tức là kiến tư phiền não.

Kiến này chính là kiến giải. Kiến giải của chúng ta đều là ở trong hết thảy các pháp mà sanh khởi tà kiến, tức là kiến giải trái ngược với chân tướng sự thật. Ví dụ, thân kiến nghĩa là xem nhục thể hiện nay của chúng ta là chính mình, đây chính là thân kiến. Có người thế gian nào không cho thân thể này là chính mình chứ? Nhưng đây là thuộc về tà kiến.

Kiến ác cũng gọi là kiến hoặc. Kiến hoặc có đầy đủ năm loại lớn là thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tà kiến. Vừa rồi đã nói thân kiến. Biên kiến chính là hai bên, thông thường nói “đoạn thường nhị biên”, cho rằng con người chết rồi thì không còn gì nữa, người chết như đèn tắt, đây chính là đoạn kiến. Thường kiến là cho rằng con người sau khi chết đi tương lai vẫn sẽ làm người, vĩnh viễn làm người, họ sẽ không đến nơi khác, không có sáu đường, sáu đường có thì có, nhưng người thì luôn làm người, heo thì mãi làm heo, đây chính là thường kiến. Hai loại này đều là tà kiến, còn có giới thủ kiến, kiến thủ kiến. Giới thủ kiến tức là kiến giải sai lầm từ trên nhân. Ví dụ Ấn Độ thời xưa có một số người ở trong thiên định nhìn thấy con trâu cả đời ăn cỏ, đến cuối cùng sanh lên trời, bèn cho rằng ăn cỏ là nhân để sanh lên trời, cho nên họ cũng ăn cỏ hy vọng được sanh lên trời. Đây là tà kiến ở trên nhân, trì giới trâu này, đây là giới thủ kiến. Kiến thủ kiến tức là tà kiến ở trên quả, ví dụ Ấn Độ xưa có người thiên định rất lợi hại có thể chứng được định của tứ thiên tứ không, thậm chí có thể đến trời cao nhất là Phi Tướng Phi Tướng Xứ trong Tứ Không thiên, chứng được thiên định như vậy thì có thể định được 80.000 đại kiếp, thời gian vô cùng dài lâu, họ cho rằng cảnh giới như vậy chính là Niết-bàn, đã được quả Niết-bàn rồi, đây chính là tà kiến từ trên quả. Rất nhiều tôn giáo đều cho rằng sanh thiên là cứu cánh. Đây chính là thuộc về loại tà kiến này. Còn loại thứ năm là tà kiến, ngoài bốn loại phía trước ra thì tất cả những kiến giải sai lầm khác thảy đều gọi là kiến hoặc, chia nhỏ ra tổng cộng có 88 phẩm.

Tư hoặc chính là tư tưởng sai lầm, gọi là tham sân si mạn nghi v.v..Những thứ này đều là sau khi 6 căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới 6 trần khởi lên vọng tưởng, chấp trước mà sanh khởi những phiền não này, cho nên gọi là tư hoặc. Tư hoặc của tam giới tổng cộng có 81 phẩm.

Có thể đoạn trừ được những kiến tư hoặc này, tu sanh duyên từ. Sanh duyên từ là gì? Duyên nghĩa là duyên hệ, duyên niệm. Từ chính là từ bi. Hàng Bồ-tát trong Tạng giáo thì các ngài có thể vận dụng tâm từ bi bình đẳng, duyên niệm hết thấy chúng sanh như đứa con mới sanh của mình vậy, giống như người mẹ yêu thương bảo vệ đứa con mới sanh của mình, yêu thương chúng vô điều kiện. Cho nên tâm của Bồ-tát Tạng giáo cũng rất bình đẳng. Các ngài yêu thương chúng sanh như yêu thương con nhỏ, cho nên dùng tâm đại từ bi để phổ độ cứu giúp hết thấy chúng sanh, khiến họ có thể lìa hết thấy khổ não, được niềm vui rất rạo. Đây là Tạng giáo sa-di, cho nên sa-di không hề đơn giản. Bạn xem Tạng giáo là thấp nhất trong bốn giáo cũng đều phải có tâm đại từ bi như vậy, nhưng tâm từ bi của họ do vì chấp có, cho rằng chúng sanh là thật có, tuy rằng có thể dùng tâm của người mẹ yêu thương con nhỏ để yêu thương họ, nhưng khó phá trừ được phiền não, vì trí tuệ không đủ.

Tiếp theo, “dứt kiến tư ác tu pháp duyên từ là Thông giáo sa-di”. Bồ-tát Thông giáo, những sa-di này đều là Bồ-tát sa-di, sa-di phát tâm Bồ-đề, họ có trí tuệ cao hơn Tạng giáo có thể “tu pháp duyên từ”, cũng chính là dùng trí tuệ bình đẳng để quán chiếu hết thấy các pháp đều là từ nhân duyên hòa hợp mà sanh ra. Đã là nhân duyên hòa hợp mà sanh ra thì không có chút tự tánh nào. Tuy không có tự tánh để đắc nhưng họ vẫn dùng tâm đại từ bi để cứu giúp hết thấy chúng sanh, cho nên họ cũng không chấp không, nhưng họ hiểu rằng hết thấy pháp là không mà độ hóa hết thấy chúng sanh thì chính là tu pháp duyên từ. Thông giáo sa-di này có thể đoạn kiến tư phiền não.

Tiếp theo, “thứ lớp trừ tam hoặc, tu tam từ là Biệt giáo sa-di”. “Tam hoặc” là chỉ ngoài kiến tư hoặc ở phía trước ra thì vẫn còn trần sa hoặc và vô minh hoặc. Kiến tư hoặc đã giải thích rồi, thế nào gọi là trần sa hoặc? Nghĩa là khi độ chúng sanh, Bồ-tát nhìn thấy kiến tư hoặc của chúng sanh vô cùng nhiều, số lượng như cát bụi vậy, để giáo hóa họ thì Bồ-tát phải tốn rất nhiều công sức. Cho nên nhìn thấy kiến tư hoặc của người khác thì chính là trần sa hoặc của mình, cho nên trần sa hoặc cũng gọi là biệt hoặc, là kiến tư hoặc của người khác. Kiến tư hoặc của mình

đã đoạn trừ rồi, nhưng muốn giúp người khác đoạn kiến tư hoặc cũng không dễ dàng. Do đó Bồ-tát phải học vô lượng pháp môn để độ vô lượng chúng sanh đoạn trần sa hoặc. Hoặc thứ ba là vô minh hoặc. Vô minh tức là không hiểu rõ thật tướng của hết thảy pháp. Loại hoặc này là chủng tử trong ý thức thứ tám, là gốc của hết thảy phiền não. Bậc thánh Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác còn không biết tên gọi của nó, cho nên căn bản không thể nói là đoạn được. Nhị thừa chỉ có thể đoạn kiến tư hoặc, họ không thể giúp chúng sanh đoạn kiến tư hoặc được, cho nên không thể đoạn được trần sa hoặc, còn vô minh hoặc thì căn bản là không biết. Chỉ có Bồ-tát Đại thừa, ở đây là nói Bồ-tát trong Biệt giáo, trong tình trạng định tuệ song tu, lục độ vạn hạnh đầy đủ thì mới có thể đoạn trừ được loại phiền não này, cho nên loại hoặc này cũng khác với hàng Nhị thừa, cũng gọi là biệt hoặc.

“Biệt giáo sa-di” là “thứ lớp đoạn trừ tam hoặc, tu tam từ”, vừa rồi đã nói đoạn trừ tam hoặc, còn phải nói tu tam từ nữa. Tam từ là nói hai loại, một loại là sanh duyên từ, một loại là pháp duyên từ. Còn loại thứ ba là vô duyên từ, tức là Bồ-tát vận dụng trí tuệ bình đẳng, họ không có tâm đi phan duyên với hết thảy chúng sanh, họ hiểu rõ ngay nơi thể của hết thảy chúng sanh chính là không, trọn chẳng thể được, chẳng những nhân không mà pháp cũng không, do đó họ đã diệt trừ được tâm phan duyên này, nên nhờ họ mà hết thảy chúng sanh tự nhiên đạt được lợi ích. Từ bi mà hàng Bồ-tát này vận dụng gọi là vô duyên đại từ. Loại từ bi này là phổ biến bao trùm hết thảy chúng sanh trong pháp giới, và có thể nhổ trừ nỗi khổ của hết thảy chúng sanh một cách tự nhiên, ban tặng niềm vui cho hết thảy chúng sanh một cách tự nhiên. Đây gọi là vô duyên từ. Giống như A-di-đà Phật xây dựng thế giới Cực Lạc tiếp dẫn hết thảy chúng sanh trong pháp giới đến thế giới Cực Lạc để hưởng phước, ở đó viên mãn thành Phật. Vậy A-di-đà Phật có động ý niệm hay không? Có khởi ý niệm đi phan duyên với hết thảy chúng sanh trong pháp giới không? Trong kiếp xưa ngài đã phát lời nguyện rộng lớn, tu nhân chúng quả mà viên mãn được nguyện lớn này. Bản thân ngài ở trong Thường Tịch Quang, nguyện lực tự nhiên đi giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Nhậm vận chính là tự nhiên, không cần tác ý, không cần phan duyên, chỉ cần bạn tương ưng với nguyện lực của ngài thì bạn sẽ được ngài giúp đỡ. Tương ưng như thế nào? Chúng ta có thể tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh độ thì tự nhiên sẽ được cảm ứng đạo giao với nguyện lực của A-di-đà Phật. Ngài không cần khởi tâm động niệm để tiếp dẫn bạn, mà bạn tự nhiên nhìn thấy ngài ở trước mặt tiếp dẫn bạn, tự động tự nhiên, đây gọi là vô duyên đại từ. Là hết thảy vọng tưởng, không khởi tâm, không động niệm, không

phân biệt, không chấp trước mà có thể phổ độ hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Cho nên, Bồ-tát sa-di trong Biệt giáo có thể đoạn dứt tam hoặc kiến tư, trần sa, vô minh mà tu sanh duyên từ, pháp duyên từ, vô duyên từ. Cách tu hành này là tu theo thứ lớp. Phía trước nói đến Biệt giáo là tu hành theo thứ lớp, trước tiên đoạn trừ kiến tư hoặc, sau đó đoạn trừ trần sa hoặc, rồi mới đoạn trừ vô minh hoặc, sau đó tu theo thứ lớp, trước tiên tu sanh duyên từ, rồi tu pháp duyên từ, rồi mới tu vô duyên từ, tu theo thứ lớp như vậy là thuộc về Biệt giáo, tiếp theo:

**“Nhất tâm viên mãn dứt tam hoặc, tu tam từ viên mãn là Viên giáo sa-di”.**

Hạng này có căn tánh rất nhạy bén. Họ có thể trong nhất tâm mà tu viên mãn tam quán, tam quán là không - giả - trung, không giống như Biệt giáo phải tu tam quán theo thứ lớp. Trong nhất tâm tu không quán để đối trị kiến tư hoặc, biết hết thảy pháp là không, cho nên kiến tư phiền não liền không còn nữa. Trong nhất tâm tu giả quán, giả quán biết hết thảy pháp đều đầy đủ, hiểu rõ ràng tường tận, họ đều hiểu rõ nên độ hết thảy chúng sanh như thế nào, cho nên đoạn được trần sa hoặc. Trong nhất tâm tu trung quán, trung quán đoạn vô minh hoặc, cho nên tam hoặc trong nhất tâm liền được đoạn trừ viên mãn. Còn tam từ là sanh duyên từ, pháp duyên từ, vô duyên từ, trong nhất tâm liền viên mãn đầy đủ. Đây là nói đến sa-di trong Viên giáo. Căn tánh của các ngài vô cùng nhạy bén, cho nên nhất niệm viên thành, viên dung vô ngại.

Đây là giải thích qua về ý nghĩa của tức và từ. Cho nên, hàm nghĩa của sa-di vô cùng sâu rộng, không được xem đó là pháp Tiểu thừa, không được coi thường mà không học, dù cho đại tỳ-kheo cũng phải học tập.

Tiếp theo, ý nghĩa thứ hai của sa-di là “cần sách”.

**“Tiếp theo là cần sách. Tinh cần khích lệ ra khỏi phần đoạn sanh tử là Tạng Thông sa-di. Tinh cần khích lệ ra khỏi biến dịch sanh tử là Biệt Viên sa-di”.**

“Cần sách” nghĩa là tinh cần khích lệ, cũng có nghĩa là không phóng túng. Tu hành quan trọng nhất là không phóng túng, chúng ta trì giới chú trọng đến oai nghi của chúng ta, những điều này đều giúp chúng ta không phóng túng.

Trong kinh Đại Bát Niết-bàn có nói: *“Cẩn thận không phóng túng, chỗ này gọi là cam lồ, phóng túng mà không cẩn thận thì gọi là chết. Nếu người không*

*phóng túng thì sẽ đạt đến chỗ bất tử, nếu là kẻ phóng túng thì luôn đi vào con đường chết*". Đây là bài kệ Phật nói trong kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ tám, nói rằng chúng ta tu học thánh đạo thì nhất định phải nhất tâm cung kính cẩn trọng, mỗi một sự việc phải toàn tâm toàn ý, cung kính cẩn trọng để làm cho tốt, đây chính là tu hành, tuyệt đối không được phóng túng. Phóng túng chính là không cẩn thận, chính là hời hợt, không có tâm cung kính. Có thể cẩn trọng không phóng túng thì "chỗ này gọi là cam lồ", chỗ như thế chính là pháp cam lồ, cam lồ chính là thuốc bất tử. Đây là ví dụ cho Niết-bàn. Niết-bàn phải dựa vào không phóng túng, phải tinh cần cẩn trọng thì mới có thể đạt được. Nếu phóng túng không cẩn trọng, sáu căn của chúng ta phóng túng, không thể thu nhiếp, ba nghiệp thân khẩu ý rong ruổi trong cảnh giới sáu trần, vậy thì rất dễ hủy phạm giới pháp. Đây chính là đi về hướng con đường chết. Cho nên, phóng túng không cẩn trọng, đây chính là chữ chết, chúng ta nói thẳng ra thì chính là chết chắc rồi. Tiếp theo, "nếu người không phóng túng thì sẽ đạt đến chỗ bất tử", bạn có thể nương theo thánh đạo trì giới tu định, tinh tấn tu hành như vậy thì chắc chắn có thể liễu thoát sanh tử thành Phật đạo, như vậy thì đạt đến chỗ bất tử rồi, vượt thoát khỏi hai loại sanh tử là phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử đều vượt thoát.

Cho nên đức Phật nói rằng: *"Ta vì A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, dù cho thân nát như trần bụi cũng quyết không từ bỏ siêng năng tinh tấn, vì sao vậy? Vì tâm siêng năng tinh tấn chính là nhân của A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề"*. Bạn xem, Phật tự nói rằng: "Ta vì A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề", nghĩa là khi ta đang tu hành đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác thì dù cho thân thể ta tan nát, tức là tan xương nát thịt giống như vi trần, thì ta trước sau cũng không từ bỏ tâm siêng năng tinh tấn, vì sao vậy? Bởi vì sự siêng năng tinh tấn chính là nhân của A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Chúng ta chứng đắc Phật đạo vô thượng là do thông qua việc tu hành không phóng túng mà đạt được. Nếu phóng túng thì luôn đi vào con đường chết. Con đường chết là đại biểu cho lục đạo luân hồi, không cách gì thoát khỏi, cho nên chúng ta tu hành thì bình thường phải biết thu nhiếp thân tâm của chúng ta. Trên kinh Vô Lượng Thọ nói *"cử chỉ ngó nhìn an định từ tốn"*. An định từ tốn chính là oai nghi điềm đạm trang nghiêm, trật tự quy củ, không phải là hoảng loạn, tùy tiện, qua quýt. Bạn quyết nhà mà qua quýt, quyết xong vẫn còn rất nhiều bụi bặm, kỳ thực bạn chính là phóng túng rồi, không có tâm cung kính cẩn trọng, đóng cửa, kéo ghê mà âm thanh đều rất lớn thì chúng tỏ sáu căn của bạn đang phóng túng, không thu nhiếp thân tâm. Ở trong chúng mà nói chuyện lớn

tiếng ồn ào, không coi ai ra gì, chẳng biết âm thanh của mình rất chói tai, rất ảnh hưởng đến người khác, đó là bản thân mình phóng túng, căn bản là không biết phải thu nhiếp thân tâm. Hạng người này chẳng thể nói đến tu hành được.

Cho nên tu hành trì giới, giới là gì? Trong kinh Lăng Nghiêm nói “nhiếp tâm là giới”. Bạn có thể thu nhiếp sáu căn của bạn lại, thân tâm thu nhiếp lại thì chính là trì giới. Chúng ta là người độn căn, nên Phật đã chế định cho chúng ta các giới điều, dùng các giới điều để giúp chúng ta thu nhiếp lại. Giống như một con vượn chạy nhảy khắp nơi vậy, bạn muốn nó ngoan ngoãn thì làm thế nào? Trước tiên hãy đeo cho nó một chiếc xích, đeo một chiếc xích vào cổ nó, cột vào gốc cây, nó cũng vẫn chạy nhảy, nhưng nhảy tới nhảy lui cũng không nhảy ra khỏi phạm vi bán kính của chiếc xích đó được, dần dần nó sẽ ngoan ngoãn, sau khi ngoan ngoãn thì sẽ thuần hóa, thì sẽ hiền hòa, sau đó bạn có thể cởi xích ra, mà nó cũng không chạy nhảy lung tung nữa.

Loạn tâm, tâm vọng tưởng phan duyên của chúng ta cũng giống như chú vượn này vậy, đi khắp nơi phan duyên trong cảnh trần. Bây giờ dùng chiếc xích giới luật này khóa chặt chúng ta lại, nó vẫn sẽ chạy nhảy lung tung nhưng chí ít nó sẽ có phạm vi nhất định, biết rằng không được quá trớn, giới có công dụng như vậy. Đợi đến khi tâm chúng ta dần dần điều phục được rồi, tĩnh lặng rồi, được định rồi thì tự nhiên không phạm giới nữa. Đây gọi là định cộng giới. Sau đó tâm điều phục rồi, tĩnh lặng rồi thì pháp của thánh đạo mới có thể đi sâu vào trong nội tâm chúng ta được, chúng ta mới có thể tương ưng, tương ưng thì có thể khai mở trí tuệ vô lậu, phá trừ phiền não, như vậy thì được đạo cộng giới, vậy thì thật sự sẽ không phạm giới nữa, chuyển phàm thành thánh. Cho nên, chúng ta trì giới mục đích chính là được định khai tuệ. Gọi là nhiếp tâm là giới, nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ. Nếu chúng ta chỉ giữ những giới điều này một cách cứng nhắc, không hiểu được trong cuộc sống hàng ngày phải thu nhiếp thân tâm, vậy thì bạn không thể được định, cho nên bản thân phải chú ý quan sát ngôn hạnh của mình, ở trong đại chúng cùng nhau tu học có một điều lợi ích, tức là khi bạn vừa phóng túng, vừa tùy tiện thì chắc chắn bạn sẽ làm người khác khởi phiền não, nó sẽ có tác dụng dội ngược lại, vừa dội ngược lại thì chính là dịp giúp bạn kiểm điểm lại chính mình, cho nên cùng nhau tu học ở trong chúng là mài dũa lẫn nhau. Tập khí của bạn và tập khí của tôi sẽ mài dũa lẫn nhau như vậy, dội ngược lại nhau. Trong khi bị dội ngược lại, quan trọng nhất là không được trách móc người khác, mà nên quay lại tu

sửa bản thân, như vậy là biết tu hành, tu hành như vậy sẽ nhanh. Bạn không biết tu hành, luôn nhìn lỗi của người ta mà không xét lại lỗi lầm của mình, vậy thì bạn đang ở đó tạo nghiệp rồi, phá hoại sự hòa hợp của tăng đoàn, vậy thì thật đáng tiếc.

Cho nên, tinh cần khích lệ có thể đoạn trừ kiến tư phiền não, như vậy chính là “Tạng Thông sa-di”. Tạng giáo, Thông giáo các ngài đều có thể đoạn trừ “phần đoạn sanh tử” ở trong lục đạo. Quả báo chiêu cảm trong lục đạo luân hồi chính là từng đoạn từng đoạn. Chúng ta từ khi sanh ra đến khi chết đi thọ mạng đều có hạn định, cho nên đây gọi là phần đoạn sanh tử. Chúng ta đoạn trừ kiến tư phiền não rồi thì phần đoạn sanh tử không còn nữa.

“Tinh cần khích lệ ra khỏi biến dịch sanh tử” chính là “Biệt Viên sa-di”. Biến dịch nghĩa là nhân thay đổi quả thay đổi, nhân thay đổi rồi thì quả cũng thay đổi theo. Như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, đây gọi là Bồ-tát Tạng Thông. Các ngài tuy đã ra khỏi phần đoạn sanh tử trong ba cõi rồi, song vẫn còn biến dịch sanh tử trong cõi Phương tiện hữu dư, cõi Thật báo trang nghiêm. Tùy theo sự tu hành không ngừng tiến bộ của họ mà xả bỏ vị thứ phía trước để tiến lên vị thứ phía sau. Phía trước là vị thứ của nhân, phía sau là vị thứ của quả, cho nên không ngừng tu nhân chứng quả, gọi là nhân thay đổi quả cũng thay đổi, nhân thay đổi rồi thì quả cũng thay đổi theo. Đây gọi là biến dịch sanh tử, mãi cho đến khi viên mãn Bồ-đề thì đó chính là cực quả tối thượng, vậy thì không còn biến dịch nữa, đó là ra khỏi biến dịch sanh tử rồi. Đây chính là chỗ tu chỗ chứng của sa-di trong Biệt giáo, Viên giáo.

Vâng, hôm nay đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!